

Tương tác quốc tế tại khu vực biên giới đất liền từ góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế

Vũ Văn Anh*

Nhận ngày 11 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Nghiên cứu về khu vực biên giới đất liền có nhiều cách tiếp cận do tính liên ngành, xuyên ngành rõ nét của vấn đề nghiên cứu. Từ góc độ quan hệ quốc tế, các tương tác quốc tế tại khu vực này diễn ra rất phức tạp và đa tầng nấc từ các lực lượng Nhà nước và phi Nhà nước. Không chỉ vậy, việc phối hợp thực thi chính sách đối nội và đối ngoại của các chính phủ cũng đòi hỏi tính đến các tương tác này. Bài viết tập trung làm rõ mô thức tương tác quốc tế tại khu vực biên giới đất liền bằng cách đưa ra một khung khái niệm dựa trên các lực lượng tương tác tại khu vực này và luận giải bằng các quan điểm của các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế lớn, bao gồm chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Mác mới và chủ nghĩa kiến tạo.

Từ khóa: Khu vực biên giới đất liền, tương tác xuyên biên giới, mạng lưới xuyên biên giới, quan hệ quốc tế tại khu vực biên giới, lý thuyết quan hệ quốc tế.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: There are various approaches to studying borderlands due to the inter- and trans-disciplinarity of the issue. From the perspective of international relations, international interactions in the borderland regions are complicated, and multi-layered with the participation of both state and non-state actors. It is a necessity to take the interactions into states' consideration on coordinative implementation of the domestic and foreign policy. This article focuses on the patterns of international interaction in borderland regions by giving a conceptual framework based on interacting actors in borderland regions and explaining the interactions from the theoretical perspective of major schools of international relations theories, including realism, liberalism, neo-Marxism, and constructivism.

Keywords: Borderland, cross-border interaction, cross-border networks, international relations in borderland regions, international relations theories.

Subject classification: Political Science

1. Đặt vấn đề

Không thể phủ nhận vai trò của khu vực biên giới đất liền (KVBGĐL) đối với an ninh và phát triển của quốc gia. Nghiên cứu về KVBGĐL phục vụ an ninh và phát triển quốc gia đòi hỏi tính liên ngành, xuyên ngành. Do đặc điểm của KVBGĐL tiếp giáp với một quốc gia khác, khía cạnh quan hệ quốc tế cần được cân nhắc và xem xét. Các nghiên cứu quan hệ quốc tế về KVBGĐL thường tập trung vào các tranh chấp tại biên giới và ảnh hưởng đến KVBGĐL, sự đa dạng và phức tạp của các nhóm sắc tộc tại khu vực cùng các phong trào li khai, các cơ chế hợp tác quốc tế giữa các quốc gia chung đường biên giới. Vai trò của quốc gia vẫn là điểm tập trung của các nghiên cứu này. Trên thực tế, các mạng lưới xuyên biên giới không chỉ hình thành bởi các chính quyền địa phương và trung ương của các quốc gia chung đường biên giới mà còn bởi các lực lượng dân sự khác.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: vuvvananh.1611@gmail.com

Nếu nhìn từ góc độ đa dạng các lực lượng tham gia vào quá trình tương tác quốc tế, các tương tác quốc tế tại KVBGĐL rất phức tạp với nhiều động cơ, lợi ích đan xen. Nghiên cứu về tương tác quốc tế là nghiên cứu động cơ và hành vi tương tác giữa các lực lượng xuyên biên giới. Mô thức tương tác quốc tế là những động cơ và hành vi tương tác có tính phổ biến, tạo ra những khuôn mẫu trong tương tác xuyên biên giới. Việc làm rõ các lực lượng và mô thức tương tác quốc tế giữa các lực lượng này tại KVBGĐL ở nhiều cấp độ, không chỉ góp phần làm rõ những tương tác quốc tế mang tính quy luật mà còn gợi mở về sự phối hợp hài hoà giữa chính sách đối nội và đối ngoại, giữa chính sách an ninh quốc phòng và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Để làm rõ mô thức tương tác quốc tế tại KVBGĐL, bài viết áp dụng cách tiếp cận các cấp độ phân tích khi xem xét các tương tác của các lực lượng từ các cấp độ khác nhau như: quốc gia, nhóm, cá nhân và lý thuyết quan hệ quốc tế để lý giải các tương tác này. Theo đó, bài viết tập trung thực hiện ba nhiệm vụ nghiên cứu chính. *Thứ nhất*, xác lập khung khái niệm bao gồm làm rõ cách tiếp cận đối với khái niệm KVBGĐL, các lực lượng chính tham gia vào quá trình tương tác quốc tế tại KVBGĐL và các khái niệm liên quan khác. Việc thao tác hóa khái niệm dựa trên lịch sử phát triển nhận thức đối với khái niệm, từ đó rút ra những đặc điểm thuộc nội hàm của từng khái niệm. *Thứ hai*, vận dụng các luận điểm từ các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế lớn để làm rõ mô thức tương tác giữa các lực lượng được xác định trong khung khái niệm. Bài viết sử dụng các công trình lý thuyết kinh điển có tính đại diện cho các trường phái lý thuyết lớn trong quan hệ quốc tế để đưa ra các luận điểm và nhận định. Đây có thể được coi là nguồn tài liệu sơ cấp khi nghiên cứu về các lý thuyết quan hệ quốc tế. *Thứ ba*, làm rõ những hàm ý về sự kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn từ cách tiếp cận chiết trung.

2. Khung khái niệm

2.1. Khu vực biên giới đất liền

Sự phát triển nhận thức đối với khái niệm KVBGĐL được cho là khởi nguồn từ các công trình nghiên cứu về vùng biên giới dựa trên thuật ngữ “frontier” gắn liền với quá trình giải thuộc địa (Adelman & Aron, 1999: 814). Việc sử dụng thuật ngữ này hàm chỉ khu vực này được đóng vai trò trọng yếu về quân sự an ninh. Turner (1883) đã đưa ra một khái niệm mang tính phân biệt và vị chủng, theo đó vùng biên giới được hiểu là “điểm giao giữa lạc hậu và văn minh” (Turner, 1883: 200). Cách tiếp cận của Turner rõ ràng phản ánh góc nhìn từ một phía của đường biên giới - vùng chuyển đổi giữa khu vực sát đường biên giới và trung tâm của một quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên nếu nhìn vượt ra khỏi đường biên giới, sẽ là một khu vực giao thoa giữa hai quốc gia - dân tộc với nhiều đặc điểm chung. Xuất phát từ góc nhìn đó, Lamar và Thompson (1983) đã định nghĩa vùng biên giới “không phải là ranh giới hay đường phân cách mà là một vùng lãnh thổ hoặc vùng chuyển đổi giữa hai xã hội phân biệt trước đó” và từ đó quan tâm đến tác động của các tương tác giữa hai xã hội phân biệt đối với khu vực này (Lamar & Thompson, 1981: 7). Đến nửa cuối thế kỷ XX, thuật ngữ “frontier” được sử dụng ít đi thay vào đó là “borderlands”. Adelman và Aron (1999) đã phân biệt “frontier” là “khu vực giao thoa khi ranh giới địa lý và văn hóa không được xác định rõ ràng” và *borderland* được định ra là “ranh giới tranh chấp giữa hai vùng thuộc địa” (Adelman & Aron, 1999: 815-816). Citino (2001) đã mở rộng và làm rõ hơn khái niệm “borderland” khi ông cho rằng, đây là một khu vực địa lý hàm chứa những cạnh tranh chính trị giữa các Nhà nước bao gồm vùng đất mà cả hai bên đều tuyên bố chủ quyền và vùng tiếp giáp với ranh giới đã được thừa nhận (Citino, 2001: 679). Khái niệm của Citino phù hợp với nhận thức của các quốc gia trong thực thi chính sách đối với KVBGĐL. Tuy vậy, các khái niệm trên phản ánh thực tế phức tạp trong xác định KVBGĐL.

Các khái niệm về KVBGĐL hầu hết chỉ ra một mâu thuẫn - tại khu vực nơi được vạch ra để phân biệt hai xã hội, không có một ranh giới rõ ràng về văn hóa, bản sắc mà có sự giao thoa và chuyển tiếp. Hai khu vực tiếp giáp biên giới từ hai phía tạo ra một khu vực có nhiều điểm tương đồng thay vì phân biệt. KVBGĐL một cách chung nhất là khu vực địa lý tiếp giáp với biên giới. Thách thức đặt ra là xác định giới hạn của KVBGĐL. Thực thi chính sách vốn gắn liền với việc quản trị của các Nhà nước. Do đó, KVBGĐL thường xác định bằng địa giới hành chính đối với các vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền được nhận thức bởi một quốc gia thay vì đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều này hàm chỉ rằng, về mặt khoa học, có lẽ KVBGĐL cần được nhận thức vượt ra khỏi cách tiếp cận về địa giới hành chính.

Từ cách tiếp cận có tính tương tác từ hai phía của đường biên giới, tác động của đường biên giới đối với cuộc sống của người dân thuộc cả hai quốc gia có xu hướng ngày càng giảm. Nói cách khác, từ một phía của đường biên giới, cuộc sống của dân cư sẽ có sự chuyển đổi từ phụ thuộc vào đường biên giới đến gần với trung tâm của một quốc gia. Theo đó, một KVBGĐL sẽ bao gồm ba phân vùng: (i) Vùng trung tâm khi tác động của đường biên giới đối với cuộc sống của người dân rất rõ nét, tác động đó có thể là từ một bản sắc vùng biên giới được hình thành và phân biệt, có thể do những tương tác biên giới sôi nổi thông qua mạng lưới xuyên biên giới, hoặc do sinh kế của người dân phụ thuộc rất nhiều vào đường biên giới; (ii) Vùng chuyển đổi khi tác động của đường biên giới đối với cuộc sống người dân có xu hướng giảm dần, có thể do sự chuyển đổi về văn hóa, bản sắc có xu hướng gần tới trung tâm của các quốc gia hoặc do sự chuyển đổi trong sinh kế của người dân; (iii) Vùng tiếp giáp với trung tâm - tại đây tác động của đường biên giới dù vẫn còn ảnh hưởng nhưng không nhiều đến cuộc sống của người dân.

Từ cách tiếp cận trên, có thể phân loại thành ba dạng KVBGĐL dựa trên mức độ tương tác của khu vực này - khu vực biên giới phân cách, khu vực biên giới hợp tác và khu vực biên giới hội nhập. *Thứ nhất*, khu vực biên giới phân cách được định hình khi các Nhà nước có chung đường biên giới thực hiện chính sách hạn chế các tương tác, đóng cửa đường biên giới. Tình trạng này thường diễn ra khi các Nhà nước thực thi chính sách thù nghịch và mối quan hệ giữa các quốc gia hàm chứa nhiều mâu thuẫn và căng thẳng. *Thứ hai*, khu vực biên giới hợp tác được hình thành do các Nhà nước có chung đường biên giới thực thi các chính sách cùng tồn tại và ổn định mối quan hệ thông qua việc chấp nhận tương tác xuyên biên giới trong sự giám sát và có giới hạn. Theo đó, biểu hiện của khu vực biên giới hợp tác thường là các khuôn khổ hợp tác thể hiện bằng văn bản, thỏa thuận cụ thể giữa hai Nhà nước hoặc về hình thức là các cửa khẩu. *Thứ ba*, khu vực biên giới hội nhập được hình thành khi các Nhà nước chấp nhận mọi tương tác xuyên biên giới không giới hạn. Đường biên giới chỉ mang tính hình thức và liên quan đến việc quản lý về hành chính. Điều này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ và mối quan hệ tin tưởng giữa các Nhà nước chung đường biên giới. Việc đảm bảo an ninh tại khu vực này do các Nhà nước phối hợp thực hiện. Trên thực tế, tại Liên minh châu Âu nhiều khu vực biên giới hội nhập đã được hình thành.

2.2. Các lực lượng tại khu vực biên giới đất liền

Tham gia vào quá trình tương tác tại KVBGĐL gồm các lực lượng Nhà nước và phi Nhà nước.

Thứ nhất, lực lượng Nhà nước bao gồm: (i) Chính quyền Trung ương; (ii) Chính quyền địa phương. Trong đó, chính quyền địa phương được xác định không chỉ là các chính quyền chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp đối với một phần địa giới hành chính, trùng với đường biên giới mà cả các chính quyền địa phương nơi có cộng đồng cư dân chịu tác động

nhiều bởi môi trường khu vực biên giới như trong khái niệm đã được xác định ở trên. Mức độ phức tạp của mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương phụ thuộc nhiều vào hệ thống chính trị của mỗi quốc gia, mức độ tự trị của các KVBGĐL thuộc mỗi quốc gia và sự hoà hợp đối với chính phủ. Kể cả trong các hệ thống chính trị tương đối thống nhất, chính quyền địa phương cũng có vai trò lớn trong việc tham mưu và thực hiện triển khai chính sách từ trung ương xuống địa phương. Chính quyền địa phương có thể đóng vai trò như một nhân tố kết nối giữa cộng đồng cư dân KVBGĐL với chính quyền trung ương nhưng cũng có thể đóng vai trò như nhân tố gây chia rẽ và phân cách. Trong không ít các trường hợp, chính quyền địa phương đóng vai trò mạnh mẽ thúc đẩy các phong trào li khai và chống lại các chính quyền trung ương.

Thứ hai, cư dân biên giới. Cư dân biên giới được xác định thuộc lực lượng phi Nhà nước gồm những người dân thuộc KVBGĐL mà không chỉ bị giới hạn trong một đơn vị hành chính cụ thể. Những cư dân biên giới là những người có bản sắc, sinh kế chịu tác động bởi đường biên giới và các tương tác xuyên biên giới. Có thể tạm chia cư dân biên giới dựa trên bản sắc thành ba phân nhóm: (i) Nhóm cư dân biên giới có bản sắc phân cách với số đông bao gồm những nhóm người nhận thức rõ rệt về sự khác biệt, cái riêng của họ với dân tộc mà họ đang chung sống dưới một Nhà nước. Sự phân cách này không hẳn chỉ bởi sự khác biệt về sắc tộc hay văn hoá mà chủ yếu là do nhận thức. Chúng không tất yếu tạo ra những căng thẳng hoặc bất mãn nhưng có thể là một nhân tố đáng lưu tâm trong quá trình quản trị và hoạch định các chính sách hài hoà dân tộc, cố kết xã hội của các Nhà nước; (ii) Nhóm cư dân biên giới có bản sắc gần số đông bao gồm những người dân sống tại KVBGĐL nhưng có nhiều nhận thức tương đồng và thống nhất với dân tộc mà họ đang chung sống trong cùng một Nhà nước. Đó có thể là những nhóm người thuộc dân tộc chiếm đa số hoặc sự đồng cảm, gắn kết với xã hội mà họ thuộc về; (iii) Nhóm cư dân biên giới có bản sắc hài hoà với số đông bao gồm những người dân thuộc KVBGĐL có nhận thức hài hoà giữa cái chung và cái riêng. Đây là nhóm cư dân biên giới có vai trò quan trọng trong việc hài hoà sự phân biệt giữa những dân tộc chiếm số đông và dân tộc thiểu số, giữa trung tâm và khu vực biên giới. Việc phân chia này có hữu ích đối với những nhà hoạch định chính sách trong việc nhận diện và định hướng thực thi các chính sách phát triển một cách hài hoà.

Thứ ba, giới tinh hoa khu vực biên giới. Tinh hoa KVBGĐL bao gồm những nhóm người có ảnh hưởng lớn đối với các nhóm cư dân tại khu vực này. Họ có thể là giới tư sản nắm giữ nhiều tài sản có ảnh hưởng về kinh tế, cũng có thể là những tộc trưởng, già làng có tiếng nói trong đời sống của các nhóm dân tộc thiểu số. Có thể hiểu họ cũng là những cư dân biên giới nhưng có sức ảnh hưởng đặc biệt, có năng lực mạnh và có khả năng tập hợp lực lượng tốt. Có thể phân loại các tinh hoa khu vực biên giới thành hai nhóm dựa trên nhận thức về bản sắc: (i) nhóm tinh hoa dân tộc chủ nghĩa và (ii) nhóm tinh hoa xuyên biên giới. Nhóm tinh hoa dân tộc chủ nghĩa là những người có ảnh hưởng lớn đối với cộng đồng cư dân KVBGĐL nhưng có giá trị hướng tới cái chung của cả dân tộc; là lực lượng chủ chốt gắn kết chính phủ và cư dân biên giới, củng cố sự thống nhất của dân tộc từ một bên của đường biên giới. Trong khi đó, nhóm tinh hoa xuyên biên giới thường nhận nhiều lợi ích từ các mạng lưới xuyên biên giới. Nói cách khác, lợi ích của họ gắn chặt với phía còn lại của biên giới, chính vì vậy họ có thể phân cách trong nhận thức đối với chính quyền địa phương và chính quyền trung ương do những chính sách kiểm soát đường biên giới của Nhà nước, thường ảnh hưởng nhiều đến lợi ích của nhóm tinh hoa này.

Các tương tác xuyên biên giới giữa các lực lượng bao gồm chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, cư dân biên giới và các tỉnh hoa khu vực biên giới thuộc các quốc gia có chung đường biên giới chính là các tương tác quốc tế được xem xét trong khuôn khổ của bài viết này.

2.3. Môi trường khu vực biên giới đất liền

Cần phải nhìn nhận rằng mọi KVBGĐL sẽ có môi trường khác nhau, chưa kể rằng trong mỗi quốc gia dọc theo đường biên giới, nhiều KVBGĐL với những môi trường khác biệt được hình thành. Một KVBGĐL được hình thành sẽ tạo ra môi trường bên trong và bên ngoài. *Môi trường bên trong* KVBGĐL được xác định là các điều kiện kinh tế - xã hội bên trong một KVBGĐL; sự đa dạng về các nhóm bản sắc dựa trên sắc tộc, tôn giáo, văn hoá, hay nhận thức về giá trị và cái chung. Các phần KVBGĐL thuộc mỗi quốc gia có thể tạo ra những môi trường khác nhau. *Môi trường bên ngoài* KVBGĐL được xác định từ nhiều cấp độ. Ở cấp độ liên quốc gia, mối quan hệ giữa hai quốc gia - dân tộc tạo ra nền tảng để thúc đẩy hoặc cản trở các tương tác xuyên biên giới tại các khu vực này. Trong nhiều trường hợp, các cuộc cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc có vai trò lớn ảnh hưởng hoặc thậm chí can thiệp vào các tương tác xuyên biên giới của các quốc gia có chung đường biên giới. Ở cấp độ hệ thống, nhiều xu hướng hoặc các chuẩn mực cũng là những nhân tố thuộc môi trường bên ngoài góp phần định hình nên các tương tác tại các KVBGĐL.

Nhìn chung môi trường KVBGĐL được hình thành cả từ các nhân tố có tính chủ quan như chính sách của các lực lượng Nhà nước, hành vi và sự tham gia của các lực lượng phi Nhà nước và cả các nhân tố có tính khách quan thuộc xu thế lớn trong môi trường quốc tế.

3. Tương tác tại khu vực biên giới đất liền trong các trường phái lý thuyết

Sự phân chia các trường phái lý thuyết trong quan hệ quốc tế mang tính tương đối dựa trên các quan điểm khác nhau về các tương tác giữa các chủ thể quan hệ quốc tế. Mỗi một trường phái lý thuyết lại có sự phát triển, bổ sung từ những nền tảng lý luận xuất phát từ các giả thiết ban đầu khác nhau và dẫn tới hình thành các phân nhánh lý thuyết trực thuộc hoặc có xu hướng phân tách. Bốn trường phái có ảnh hưởng nhất trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và thường được đề cập nhiều trong các công trình nghiên cứu lý thuyết bao gồm: chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do, chủ nghĩa Kiến tạo và chủ nghĩa Mác. Các quan điểm chính của các trường phái này có thể được vận dụng để làm rõ và lý giải các tương tác quốc tế tại KVBGĐL.

3.1. Chủ nghĩa hiện thực

Việc chất lọc các quan điểm căn bản của chủ nghĩa Hiện thực được thực hiện thông qua việc khảo cứu các công trình nghiên cứu tiêu biểu đại diện cho hai phân nhánh: chủ nghĩa Hiện thực truyền thống và chủ nghĩa Hiện thực mới. Các quan điểm được cho là thuộc *chủ nghĩa Hiện thực truyền thống* hay *chủ nghĩa Hiện thực chính trị* trong nghiên cứu chính trị quốc tế thường được rút rút trong các công trình của nhiều học giả, xuất phát từ các công trình nổi bật của các tác giả như Hans J. Morgenthau hay Raymond Aaron. Các công trình này cũng được cho là có nguồn gốc lý luận từ các công trình của các tác giả như: Machiavelli và Thomas Hobbes thời cận đại thuộc lĩnh vực khoa học chính trị. Sự liên hệ giữa các công trình này nằm ở cách tiếp cận lấy quyền lực làm trung tâm - sự khao khát quyền lực được cho là bản chất của con người và của các Nhà nước (Morgenthau, 1946: 192). Cuộc đấu tranh vì quyền lực theo đó trở thành một mô thức tương tác phổ biến của mọi nền chính trị, bao gồm cả chính trị quốc tế (Morgenthau, 1972: 208). Chủ nghĩa Hiện thực đặt quốc gia làm trung tâm nên

ý thức về chủ quyền được nâng cao - được nhìn nhận là “khả năng của quốc gia đưa ra các quyết định mang tính chuyên quyền, ở mức độ cao nhất là quyết định chiến tranh”. (Thompson, 1995: 213). Cũng theo quan điểm truyền thống này, sự bất an của các quốc gia chính là vấn đề chính của quan hệ quốc tế (Waltz, 2010). Mặc dù có nhiều điểm tranh luận, chủ nghĩa Hiện thực mới với đại diện là quan điểm của Kenneth N. Waltz vào những năm cuối thế kỷ XX đã có nhiều bổ sung quan trọng, trong đó một luận điểm đáng lưu ý là sự tác động của các cấu trúc trong một hệ thống dựa trên phân bổ nguồn lực giữa các quốc gia đến các đơn vị tương tác bên trong ở các cấp độ nhỏ hơn như: các bộ lạc, dân tộc, công ty và nhóm (Waltz, 1990: 37).

Những quan điểm này đã gợi mở nhiều về hệ thống KVBGĐL với vai trò trung tâm của các quốc gia và mô thức tương tác dựa trên quyền lực giữa các đơn vị. *Thứ nhất*, mọi tương tác xuyên biên giới bị chi phối bởi các chủ thể quốc gia với vai trò quyết định của các chính quyền trung ương. Quốc gia là chủ thể có đầy đủ các năng lực để thực thi quyền lực và sự kiểm soát các tương tác quốc tế do sở hữu lực lượng quân đội và khả năng răn đe vượt trội so với các lực lượng phi quốc gia. *Thứ hai*, củng cố quyền lực là động lực cho các tương tác giữa: (i) chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, (ii) lực lượng nhà nước và lực lượng phi nhà nước. *Thứ ba*, nhận thức về nguy cơ an ninh và đề cao chủ quyền thúc đẩy những chính sách kiểm soát, thậm chí các hành vi quân sự hoá khiến cho điều kiện kinh tế trong môi trường KVBGĐL bị kìm hãm và trì trệ. Nếu xét trên phương diện quyền lực, các khu vực càng xa trung tâm, quyền lực và ảnh hưởng của chính quyền trung ương sẽ có xu hướng giảm dần. Ngoài ra, tại các KVBGĐL với địa hình hiểm trở cùng những tộc người đa dạng, việc thực thi chính sách an ninh cũng khó khăn hơn. Những vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống sẽ diễn ra phức tạp hơn so với vùng trung tâm, do đó lại cần hơn nữa các chính sách kiểm soát và hạn chế để củng cố quyền lực của quốc gia. *Thứ tư*, sự chênh lệch hoặc mất cân bằng quyền lực tại KVBGĐL có thể dẫn tới những bất ổn leo thang và nguy cơ xung đột vũ trang giữa các quốc gia. Theo quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực tấn công, các quốc gia sẽ có xu hướng chủ động tấn công để giành ưu thế và quyền kiểm soát. Trong khi đó, quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực phòng thủ lại cho rằng, các quốc gia sẽ duy trì trạng thái cân bằng quyền lực tránh tổn hại đến năng lực và đảm bảo an ninh. Mặc dù có sự khác nhau trong nhận định về hành vi của các quốc gia ở một hệ thống quốc tế dựa trên phân bổ quyền lực nhưng cũng có sự thừa nhận chung về vai trò quyết định của cán cân quyền lực trong việc định hình hành vi của quốc gia. Cán cân quyền lực giữa hai quốc gia trong phạm vi rộng là tương quan quyền lực về tổng thể giữa hai quốc gia chung đường biên giới, còn trong phạm vi hẹp là sự bố trí lực lượng tại KVBGĐL. Trong không ít các trường hợp có tranh chấp biên giới lãnh thổ, dù có sự bất cân xứng về quyền lực giữa hai quốc gia nhưng tại KVBGĐL lại có sự bố trí lực lượng tương đối cân bằng. Ý thức về cân bằng quyền lực để phòng thủ quốc gia, cùng tình thế lưỡng nan an ninh khiến cho KVBGĐL thường được bố trí nhiều lực lượng quân đội, an ninh hơn so với các khu vực khác và có thể tạo ra môi trường tương tác hạn chế thay vì cởi mở.

3.2. Chủ nghĩa Tự do

Cùng với chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do là một trường phái lý thuyết được hình thành lâu đời với những bổ sung và phát triển phong phú trong các luận điểm. Việc phân chia các phân nhánh của chủ nghĩa tự do cũng có nhiều tranh cãi và được cho là nhiều thách thức hơn việc xác định các phân nhánh của chủ nghĩa Hiện thực. Trong khuôn khổ của bài viết này, những luận điểm được chất lọc chủ yếu từ ba quan điểm chính về tự do kinh tế, lý thuyết hoà bình dân chủ và tự do thể chế. Quan điểm tự do kinh tế xuất phát từ quan điểm về tự do cá nhân trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến tự do sở hữu tài sản. Quan điểm này

dẫn tới những việc giảm thiểu tối đa sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế (Helleiner, 2023). Đối với quan hệ quốc tế, quan điểm tự do kinh tế là nền tảng quan trọng trong việc hình thành tư tưởng xuyên quốc gia với sự gia tăng các mối quan hệ xuyên quốc gia giữa các chủ thể phi quốc gia (Nye & Keohane, 1971). Để củng cố cho tự do kinh tế, nhiều quan điểm cho rằng cần có nền tảng dân chủ để thúc đẩy, từ đó hình thành nên các tư tưởng tự do dân chủ. Lý thuyết hoà bình dân chủ, được cho là bắt nguồn từ công trình “nền hoà bình vĩnh cửu” của Immanuel Kant năm 1795, cũng dẫn dắt tới một luận điểm cho rằng, các quốc gia dân chủ sẽ có xu hướng lựa chọn hoà bình hợp tác thay vì xung đột. Ngoài ra, các tương tác mang tính hoà bình và phát triển được các học giả theo phân nhánh tự do thể chế cho rằng có tính xu hướng và tất yếu bởi sự nhận thức về lợi ích tuyệt đối mà hợp tác mang lại so với lợi ích tương đối giành được khi xung đột (Powell, 1991). Theo đó, các thể chế quốc tế đóng vai trò quan trọng trong duy trì hợp tác bền vững giữa các quốc gia và ứng phó với các thách thức về kinh tế và an ninh (Bull, 1977: 13); (Lamt, 2005: 213).

Dựa trên các quan điểm này vận dụng trong các tương tác tại KVBGDL, có thể nhận thấy: *Thứ nhất*, hợp tác giữa các quốc gia thay vì cạnh tranh trở thành xu hướng khiến cho các KVBGDL cũng có xu hướng tiến tới hợp tác và hội nhập thay vì phân cách. Mỗi quan hệ chính trị giữa các quốc gia đóng vai trò quan trọng trong tạo lập môi trường KVBGDL - khi mỗi quan hệ chính trị căng thẳng, mức độ tương tác sẽ bị hạn chế. Các nhà tự do phủ nhận tính tất yếu của xung đột và cho rằng xung đột sẽ dần được thay thế bởi hợp tác và từ đó sẽ hình thành nên các KVBGDL cùng tồn tại, hợp tác và thậm chí là hội nhập. *Thứ hai*, các tương tác xuyên biên giới sẽ được thúc đẩy và phát triển giữa các quốc gia bởi nhu cầu phát triển kinh tế từ các chính phủ và cả tư nhân. Vai trò của người dân, thương nhân và các doanh nghiệp tư nhân với những động lực kinh tế được đề cao để thúc đẩy các chính sách hợp tác từ cấp chính phủ. Theo đó, các mạng lưới xuyên biên giới được hình thành đặc biệt là mạng lưới kinh tế. *Thứ ba*, sự phát triển của các vấn đề toàn cầu đặt ra các thách thức chung và tiến tới hình thành các cơ chế quốc tế để ứng phó với các thách thức xuyên biên giới tại KVBGDL. Bởi tính chất xa trung tâm và nhiều trường hợp với địa hình hiểm trở của các KVBGDL, các nguy cơ an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu, ma túy có xu hướng gia tăng như đã đề cập ở trên. Tuy nhiên, các nhà tự do nhìn đây là những vấn đề sẽ thúc đẩy nhiều hơn hợp tác giữa các chính phủ trong đối phó nguy cơ thay vì nhìn vào nỗi lo ngại của chính phủ, từ đó dẫn tới chính sách hạn chế.

3.3. Chủ nghĩa Mác mới

Quan điểm của chủ nghĩa Mác, như chính tên gọi của trường phái này, được hình thành từ công trình của Karl Marx và cộng sự Friedrich Engels. Chủ nghĩa Mác thường tập trung vào phân tầng giai cấp và lấy kinh tế làm trung tâm. Khác với các trường phái lý thuyết khác, sự tập trung của trường phái này ban đầu không đặt vào mối quan hệ giữa các quốc gia mà tập trung nhiều vào mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội để từ đó diễn giải về thể giới. Tuy nhiên, sức ảnh hưởng của trường phái lý thuyết này đã tạo ra sự phát triển của các lý thuyết chuyên sâu hơn về quan hệ quốc tế dựa trên nền tảng lý luận của Mác. Hai lý thuyết mà bài viết khảo cứu là hai lý thuyết của Immanuel Wallerstein về hệ thống thế giới và Gramsci về bá quyền tư tưởng.

Bắt đầu từ nhận thức rằng, đường biên giới đã tạo ra các quốc gia với sự khác biệt trong nguồn lực từ tài nguyên đến sự sở hữu các công nghệ phục vụ sản xuất. Đường biên giới nói cách khác đã tạo ra các quốc gia với sự phân tầng giai cấp. Quan điểm này trở nên rõ nét trong lý thuyết về Hệ thống thế giới của Immanuel Wallerstein được giới thiệu năm 1974, sau này công trình thường được tham chiếu như một đại diện của chủ nghĩa Mác mới.

Theo Wallerstein, hệ thống thế giới bao gồm hai nhóm quốc gia - các quốc gia trung tâm và các quốc gia ngoại vi. Theo đó, các quốc gia trung tâm được xác định là các quốc gia giàu có nằm trong tay không chỉ năng lực kinh tế mạnh mà còn công nghệ. Sở hữu năng lực công nghệ tiên tiến khiến cho nền kinh tế được công nghiệp hoá và hiện đại hoá, có sự tăng trưởng và phát triển vượt bậc, từ đó càng tạo ra khoảng cách đối với các quốc gia còn lại - các quốc gia ngoại vi. Các quốc gia ngoại vi muốn phát triển cần có sự tương tác và từ đó ngày càng bị phụ thuộc vào các quốc gia trung tâm. Các quốc gia trung tâm sẽ có sự khai thác và bóc lột đối với các quốc gia ngoại vi (Wallerstein, 1974).

Một lý thuyết khác cũng được cho là dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác là lý thuyết về bá quyền hệ tư tưởng của Gramsci. Gramsci đã phát triển khái niệm về bá quyền hệ tư tưởng dựa trên hai thành tố tạo ra quyền lực - cường buộc (Dominio) và đồng thuận (Diezione) Theo đó, sự thống trị của tầng lớp bá quyền được thực thi trong một hệ thống, được củng cố bởi một thể giới quan phổ biến hay “hệ tư tưởng tự nhiên” (organic ideology) (Ramos, 1982). Quan điểm này của Gramsci hàm ý đến một khía cạnh khác trong các tương tác giữa các quốc gia xuyên biên giới. Các ý thức hệ tự nhiên có thể tồn tại trong hệ thống thế giới mà ở đó các quốc gia có thể tạo ra sự đồng thuận nhất định đối với sự ảnh hưởng và chi phối bởi một số cường quốc thuộc nhóm tầng lớp bá quyền. Dựa trên hệ tư tưởng phổ biến mà mối quan hệ quốc tế bất đối xứng vẫn tiếp diễn, trong đó các tương tác diễn ra theo hướng bất bình đẳng khi các quốc gia thuộc tầng lớp bá quyền sẽ tiếp tục khai thác, bóc lột và tầng lớp các quốc gia còn lại càng bị phụ thuộc.

3.4. Chủ nghĩa Kiến tạo

Chủ nghĩa Kiến tạo được cho là nhóm lý thuyết có tính nhận thức luận bởi thay vì đặt trọng tâm vào bản chất của con người hay bản chất của thế giới, các mối quan hệ quốc tế thì trường phái này lại tập trung nhiều vào nhận thức của các chủ thể. Công trình được tham khảo nhiều nhất khi đề cập đến chủ nghĩa kiến tạo trong quan hệ quốc tế là công trình của Alexander Wendt (1992). Bằng việc cho rằng động lực của chính trị quốc tế là kiến tạo xã hội và “Vô chính phủ là do các quốc gia tạo nên” (Wendt, 1992), công trình này đã xem xét các yếu tố thuộc nhận thức như bản sắc và các tương tác xã hội đóng vai trò trung tâm trong lý giải các tương tác quốc tế nói chung và có thể vận dụng trong nghiên cứu tương tác xuyên biên giới tại khu vực biên giới đất liền.

Thứ nhất, các mối quan hệ xã hội bên trong một quốc gia có thể tạo nên các nhóm bản sắc với nhận thức về sự khác biệt với các nhóm bản sắc chiếm đa số. Nhóm bản sắc cần được nhìn nhận phân biệt với các nhóm tộc người dù sự khác biệt về tộc người có thể là một yếu tố quan trọng trong hình thành những nhóm bản sắc khác nhau. Khi một nhóm người trong quá trình tương tác dài hình thành nên các đặc điểm riêng và ý thức cao về sự khác biệt đối với dân tộc chiếm đa số trong đó có chính phủ, mối quan hệ giữa chính phủ và nhóm bản sắc này trở nên nhạy cảm hơn. Tại KVBGĐL, cư dân biên giới thường có sự đa dạng về tộc người và các mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng bởi đường biên giới hơn so với khu vực ở trung tâm quốc gia, do đó, khả năng tạo ra các nhóm bản sắc khác với số đông là điều phổ biến. *Thứ hai*, nhận thức về các ranh giới dựa trên bản sắc sẽ có thể gây thách thức hoặc tạo ra cơ hội đối với các chính quyền trung ương trong thực thi các chính sách chung. Có thể thấy được rằng hiếm khi các đường biên giới vật lý phân chia tương thích với các không gian văn hóa hay dân tộc. Chính vì vậy, trong quá trình tương tác nếu những cư dân biên giới nhận thức về sự tương đồng với bản sắc của dân tộc mà họ đang chung sống do mức độ hài lòng với chính phủ, những tương tác sâu rộng và gắn bó, chính phủ sẽ có nhiều cơ hội để tăng cường đoàn kết và thực thi các chính sách tổng thể, phát triển

đồng đều. Ngược lại, khi những cư dân biên giới lại nhận thức về sự tương đồng trong bản sắc với dân tộc phía còn lại của đường biên giới, chính phủ sẽ gặp nhiều thách thức hơn trong việc thực thi chính sách và thậm chí đây còn là nguy cơ bất ổn từ chủ nghĩa ly khai.

4. Kết luận

Mối quan hệ giữa chính sách đối nội và chính sách đối ngoại thể hiện rõ nét hơn cả trong chính các tương tác tại KVBGDL. Khung phân tích dựa trên các nhóm lực lượng được làm rõ trong bài viết chỉ là một cách tiếp cận có thể vận dụng trong nghiên cứu tương tác quốc tế đa tầng nấc tại khu vực này.

Xuất phát từ những giả thiết khác nhau nằm sâu trong thế giới quan, nhân sinh quan của các trường phái lý thuyết lớn, các quan điểm lý thuyết trên đã chỉ ra những nhân tố tác động tới môi trường KVBGDL và cơ chế tác động của chúng. Thực tiễn luôn đa dạng, phức tạp và đòi hỏi không chỉ một góc nhìn, một cách tiếp cận đơn lẻ. Việc thấu đáo các lý thuyết là điều cần thiết và bước đi căn bản đầu tiên để từ đó chốt lọc những vấn đề có thể áp dụng phù hợp với thực tiễn tại từng quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- Adelman, J., Aron, S. (1999). From Borderlands to Borders: Empires, Nation-States, and the Peoples in between in North American History. *The American Historical Review*. 104 (3), 814-841.
- Bull, H. (1977). *The Anarchical Society: a Study of order in world politics*. Macmillan. Basingstoke.
- Citino, N. J. (2001). The Global Frontier: Comparative History and the Frontier-Borderlands Approach in American Foreign Relations. *Diplomatic History*. 25(4), 677-693.
- Helleiner, E. (2023). The Rise of European Classical Economic Liberalism. In *The Contested World Economy: The Deep and Global Roots of International Political Economy*. Cambridge: Cambridge University Press. 19-36.
- Lamar, H., Thompson L. (1981). *The Frontier in History: North America and Southern Africa Compared*. New Haven and London. Yale University Press.
- Lamt, S. (2005). Contemporary Mainstream Approaches: Neo-Realism and Neo-Liberalism in Baylis, J, Smith, S ed., *The Globalization of World Politics: An introduction to International Relations*. Oxford University Press.
- Morgenthau, H. J. (1946). *Scientific Man vs. Power Politics*. Chicago. University of Chicago Press.
- Morgenthau, H.J. (1972). *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Knopf.
- Nye, J.S., Keohane, R.O. (1971). Transnational Relations and World Politics: An Introduction. *International Organization*. 25 (3), 329-349.
- Powell, R. (1991). Absolute and Relative Gains in International Relations Theory. *The American Political Science Review*. 85(4), 1303-1320.
- Ramos, V. (1982). The Concepts of Ideology, Hegemony, and Organic Intellectuals in Gramsci's Marxism. *Theoretical Review*. 27. <https://www.marxists.org/history/erol/periodicals/theoretical-review/1982301.htm>
- Thomson, J.E. (1995). State Sovereignty in International Relations: Bridging the Gap between Theory and Empirical Research. *International Studies Quarterly*. 39 (2), 213-233.
- Turner F. J. (1893). *The Significance of the Frontier in American History*. Ann Arbor 1966.
- Wallerstein, I. (1974). *The Modern World-System: Capitalist Agriculture and the Origins of the European World-Economy in the Sixteenth Century*. New York: Academic Press.
- Waltz, K.N. (1990). Realist thought and Neorealist theory. *Journal of International Affairs*. 44 (1), 21-37.
- Waltz, S.M. (2010). Realism and Security. *Oxford Research Encyclopedia of International Studies*. <https://doi.org/10.1093/acrefore/9780190846626.013.286>
- Wendt, A. (1992). Anarchy is what States Make of it: The Social Construction of Power Politics. *International Organization*. 46(2), 391-425.